TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC THỌ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20/5/2020
Về việc: "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Long và ông Phạm Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa bà Trần Thị Kim Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/5/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án dân thụ lý sơ thẩm số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2020 "về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1995; Nơi ĐKNKTT: Thôn HC, xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Không. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1987; nơi ĐKNKTT: Thôn TT, xã TD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lái xe. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị sống chung với anh Trần Văn T từ ngày 10/7/2016, có tổ

chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/6/2017. Đến khoảng tháng 4/2017 thì chị và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp và thường hay cãi nhau nên đã sống ly thân, chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Ngày 09/7/2018, chị kết hôn với anh Nguyễn Đức Th, đăng ký tại UBND xã ĐA (nay là xã AD), huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh và có một con chung với anh Nguyễn Đức Th tên là Nguyễn Hồng V, sinh ngày 06/10/2019, hiện nay chị không làm công việc gì nên không có thu nhập chỉ ở nhà chăm sóc con chung giữa chị và anh Th.

Nay tình cảm giữa chị và anh T không thể hàn gắn, chị L đã kết hôn với người khác và có con chung nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh T; Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Đức T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung giữa chị và anh T không có nên không yêu cầu giải quyết.

* *Trong bản tự khai đề ngày 07/02/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn T trình bày:* Anh thừa nhận đã quen biết và sống chung với chị Nguyễn Thị L từ ngày 10/7/2016, có tổ chức đám cưới do hai họ chứng kiến nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; hai người sống chung hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp và thường hay cãi nhau nên đã sống ly thân, chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Thời gian anh và chị L ly thân thỉnh thoảng anh có đến nhà mẹ đẻ chị L để thăm nom con chung của hai người là cháu Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/6/2017 nhưng đến tháng 7/2019 anh biết tin chị L đã kết hôn với anh Nguyễn Đức Th và chuẩn bị sinh con thì anh đã đón cháu T về chăm sóc, nuôi dưỡng từ đó đến nay.

Nay chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh cũng đồng ý; Về con chung anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Đức T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị L không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự trong vụ án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án:

+ Về tình cảm: Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*.

Theo quy định nêu trên thì giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T không phát sinh quan hệ vợ chồng, việc chị L làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện ĐT yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Trần Văn T là có cơ sở và cần được chấp nhận.

+ Về con chung: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*.

Trong vụ án này, cháu Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/6/2017 là con chung của chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T (đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử cháu T 35 tháng 01 ngày), giữa chị L và anh T không có sự thỏa thuận về việc nuôi con, xét về mọi mặt thì anh T có nhiều lợi thế về vật chất cũng như tinh thần để đảm bảo việc nuôi con so với chị L. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt cho con cũng như ổn định môi trường sống của con nên giao cháu Trần Nguyễn Đức T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng các đương sự không ai yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn, căn cứ vào khoản 7 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng từ ngày 10/7/2016 và cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn giữa hai người trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp, chị L đã đăng ký kết hôn với người khác và có con chung nên chị L yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị và anh T là vợ chồng. Theo khoản 1 Điều 14 luật HNGĐ năm 2014 có quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng…";* Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này".* Như vậy, mặc dù chị L và anh T đã sống chung với nhau trong một thời gian dài và đã có con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng. Nay Chị Nguyễn Thị L làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Trần Văn T là vợ chồng là phù hợp theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] *Về quan hệ con chung, cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T đều thừa nhận quá trình sống chung hai người có một con chung tên là Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/6/2017, từ khi cháu sinh ra cho đến tháng 6/2019 chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng kể từ tháng 7/2019 đến nay thì anh T là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Qúa trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/6/2017, tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án cháu dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật

Hôn nhân và gia đình giao cháu cho mẹ trực tiếp nuôi, tuy nhiên quá trình ly thân với anh Trần Văn T, bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống chị Nguyễn Thị L đã đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đức Th và chuyển về sống chung tại nhà của bố mẹ đẻ anh Th ở Thôn HC, xã ĐA (nay là xã AD), huyện ĐT và có một con chung với anh Th tên là Nguyễn Hồng V, sinh ngày 06/10/2019, hiện nay chị L không có việc làm, không có thu nhập chỉ ở nhà để chăm sóc con chung giữa chị và anh Th. Bản thân chị L và cháu V sinh sống nhờ vào chi phí của anh Th và bố đẻ anh Th là ông Nguyễn Văn Đ, vì vậy nếu giao cháu T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo đầy đủ điều kiện tốt nhất cho cháu phát triển. Gần một năm qua, cháu T được anh Trần Văn T đón về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và được chính quyền địa phương xác nhận là "chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T rất chu đáo và không có hành vi bạo lực đối với cháu", bên cạnh đó anh Trần Văn T là nhân viên lái xe của công ty TNHH TK có trụ sở tại tổ dân phố TH, phường ĐT, thị xã HL và được công ty ký hợp đồng với thu nhập 16.538.462 đồng/tháng. Nguồn thu nhập như vậy, nếu giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu phát triển.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T đều thừa nhận quá trình sống chung hai người không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T.

* *Về quan hệ con chung, cấp dưỡng*:

+ Giao con chung tên là Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/6/2017 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn T; Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* *Về án phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005992 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; Được khấu trừ nên chị Nguyễn Thị L đã nộp xong.

* *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS ND huyện Đức Thọ;
- CC T.H.A huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Việt Thắng